

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29/8/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2028, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn 7, C, xã B, tỉnh Ninh Bình.

(Thôn 7, C, xã C huyện L, tỉnh Hà Nam cũ).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Ninh Bình.

(Thôn 3, T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam cũ).

Phiên toà có mặt chị Vân và anh Thiệp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2025, bản tự khai và lời trình bày của chị Phạm Thị Vân với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình) ngày 03/12/2020. Sau khi cưới, chị V về chung sống cùng anh T tại gia đình bố mẹ chồng đến tháng 10/2022 thì ra thuê nhà ở riêng để mở cửa hàng buôn bán gạch men, thiết bị nội

thất. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 17/7/2023 bắt đầu mâu thuẫn do chị V phát hiện anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, tuy chị V không trực tiếp bắt gặp anh T ngoại tình nhưng anh T đã thừa nhận việc ngủ với người phụ nữ khác trước chị và bố mẹ anh T, xin lỗi nhận sai trước bố mẹ chị V. Anh T muốn vợ chồng đoàn tụ nên đã phải đi khám và xét nghiệm các bệnh xã hội theo yêu cầu của chị V. Được gia đình bố mẹ hai bên hòa giải nên vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần anh T đánh chửi, đe dọa chị V. Từ giữa tháng 10 năm 2025 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Ý kiến của anh T: Anh T và chị V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi bắt chuột về ăn nhưng chị V không đồng ý. Mỗi lần giận chồng, chị V không cho con nhỏ bú và không cho anh T chạm vào con. Ngày 05/10/2023, khi chị V giận chuyện anh Thiệp đi bắt chuột nên đã để con nhỏ khóc 2 giờ đồng hồ, con có biểu hiện co giật nhưng chị V cũng không quan tâm, tức quá anh T có chửi thề thì chị V hét lớn vào mặt anh. Từ ngày 20/10/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh T cho rằng, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Chị V và anh T đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A sinh ngày 29/3/2023. Hiện nay cháu A đang ở với chị V. Nay chị V đề nghị xin được nuôi cháu A yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh T xin được nuôi cháu A và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị V và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Chị Phạm Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T và xin được nuôi cháu Nguyễn Quỳnh A. Chị V yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Anh Nguyễn Văn T nhất trí ly hôn với chị V, xin được nuôi cháu A và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ cuối tháng 10 năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh T nhất trí. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Quỳnh A sinh ngày 29/3/2023 hiện nay đang do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, anh chị đều là lao động có thu nhập đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Tuy nhiên cháu A đang ở với chị V và chưa đủ 36 tháng tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu A cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Thiệp phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V khoảng 3.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Các vấn đề khác chị Vân và anh Thiệp không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị V nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Được gia đình bố mẹ hai bên hòa giải nên vợ chồng tiếp tục đoàn tụ chung sống cùng nhau. Tháng 10 năm 2023, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng vì bất đồng quan điểm sống, chị V đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng kiên quyết không về đoàn tụ cùng nhau. Từ ngày 20/10/2023 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V và anh T đều thoả thuận thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị V và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị V và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 29/3/2023. Từ khi được sinh ra đến nay, cháu A do chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V đề nghị xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 3.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8/2025 đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Anh T xin được nuôi cháu A và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị V và anh T về việc nuôi con chung là chính đáng và đủ điều kiện nuôi con nhưng từ nhỏ đến nay cháu A do chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử thấy, cháu A hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu A cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị với số tiền 3.000.000đồng/tháng là cao, không phù hợp với thực tế điều kiện sinh hoạt tại địa phương. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của cháu A Hội đồng xét xử thấy mức tiền cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng là phù hợp với Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 29/3/2023 cho chị Phạm Thị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V với số tiền là 2.000.000/tháng kể từ tháng 8/2025 đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001972 ngày 06 tháng 6 năm 2025 được đối trừ khi thi hành án, chị V được hoàn lại số tiền 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Bắc Lý;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hân